CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng

Ngày 28/06/2024	15,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**7.0%**	**15.8%**

DT thuần
Q2/24
3,452
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 663| 23.8%
YoY: ▲ 86.0| 2.6%

LN thuần
Q2/24
291
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 128| 78.4%
YoY: ▼58.0| -16.7%

LN sau thuế
Q2/24
276
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 121| 78.4%
YoY: ▼55.0| -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
8.5%
YoY: +/-▲ 2.4%

ROE (TTM)
Q2/24
8.1%
YoY: +/-▼ 1.1%

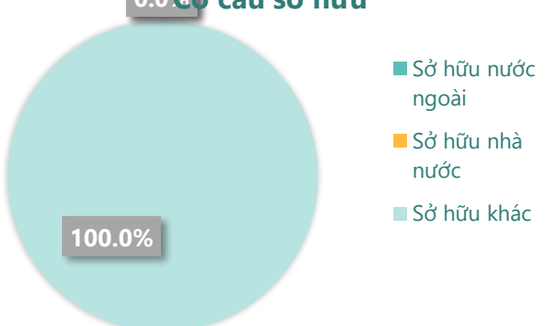
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,284 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,650
Số lượng CPLH (CP)	500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,455
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.38
EPS	1,015
P/E	15.1

DT thuần
6T 2024
6,241
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 303| 5.1%

LN thuần
6T 2024
453
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0| 26.2%

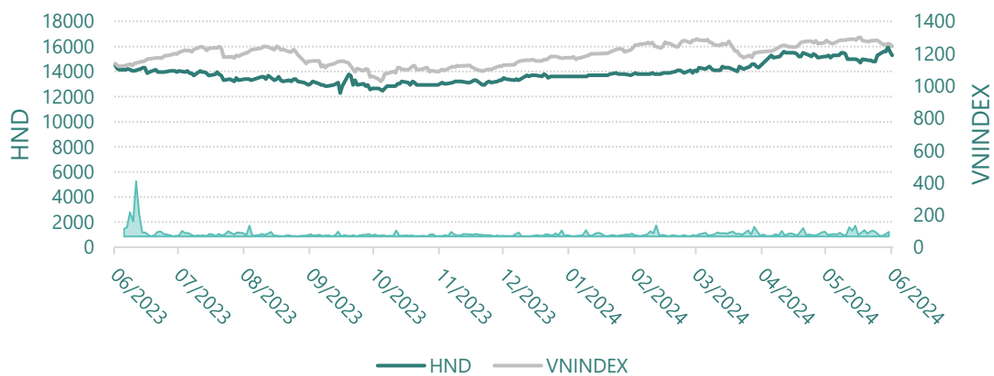
LN sau thuế
6T 2024
431
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.0| 26.3%

Cơ cấu sở hữu

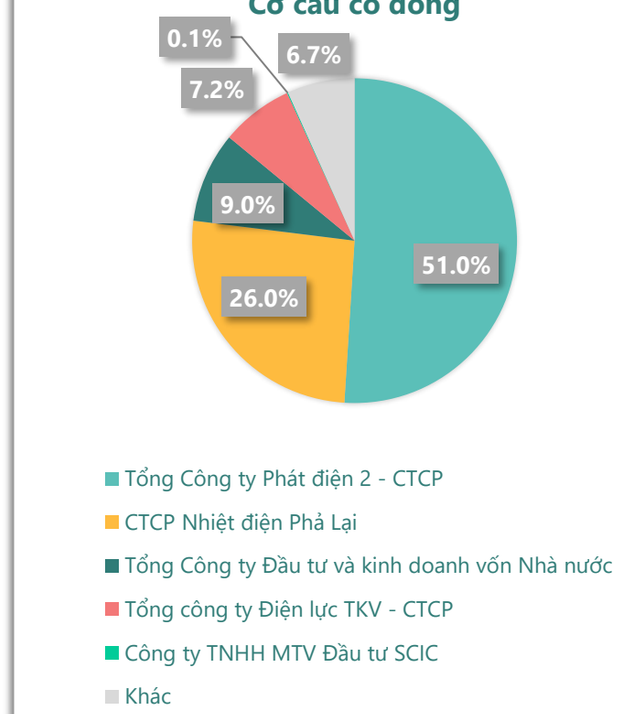


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



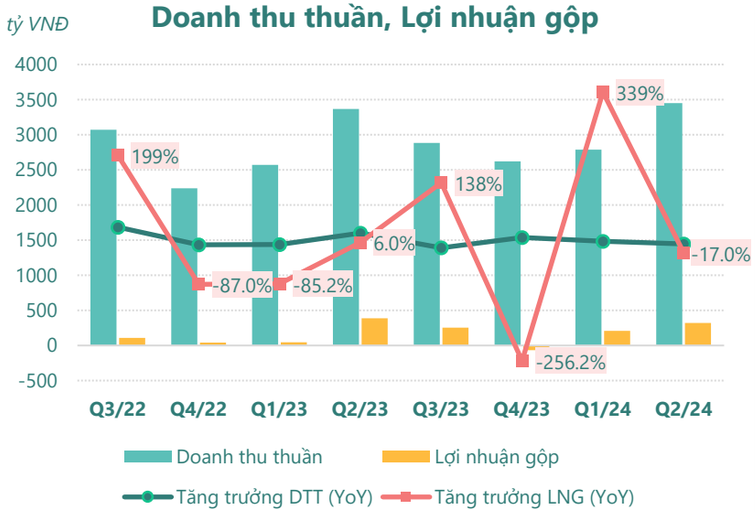
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

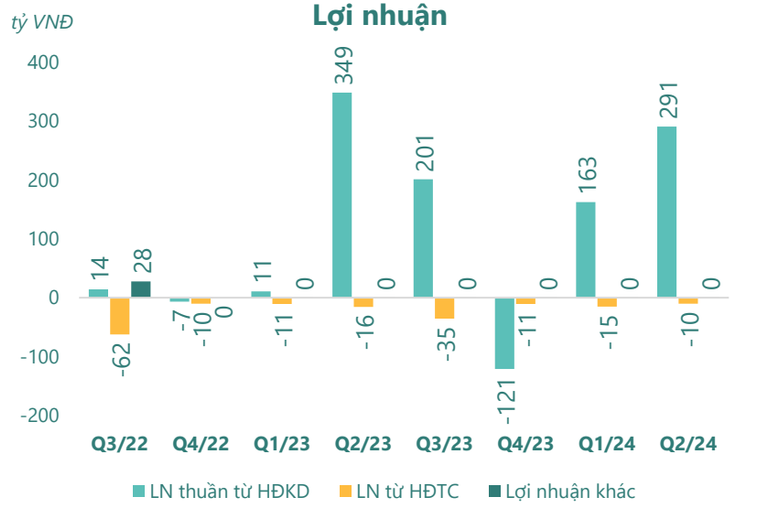
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



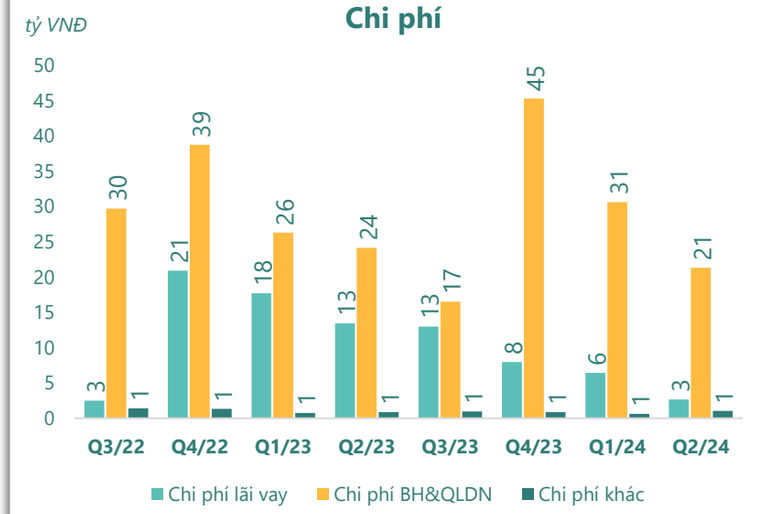
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



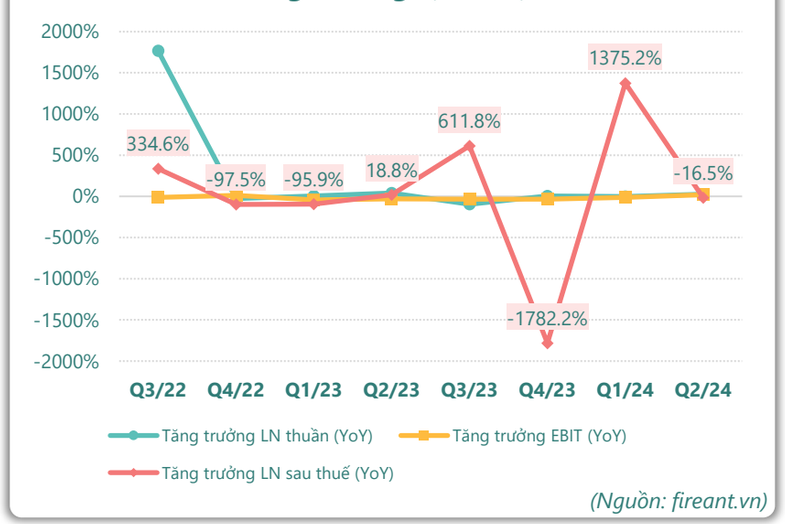
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



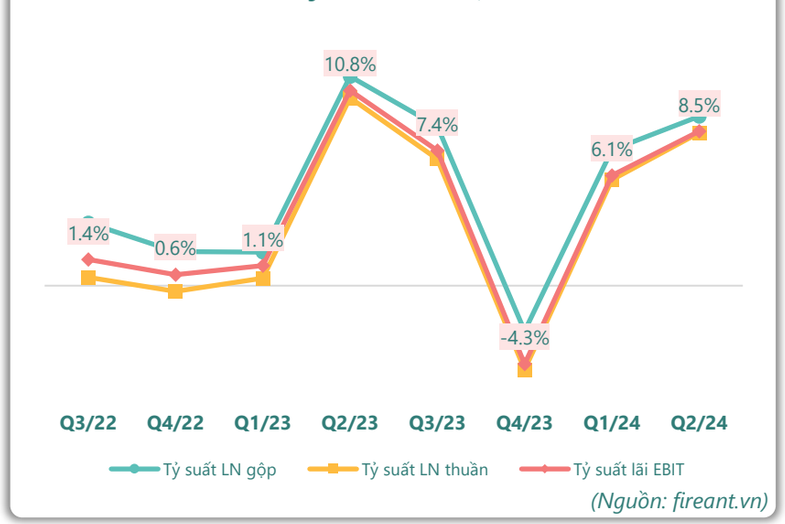
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



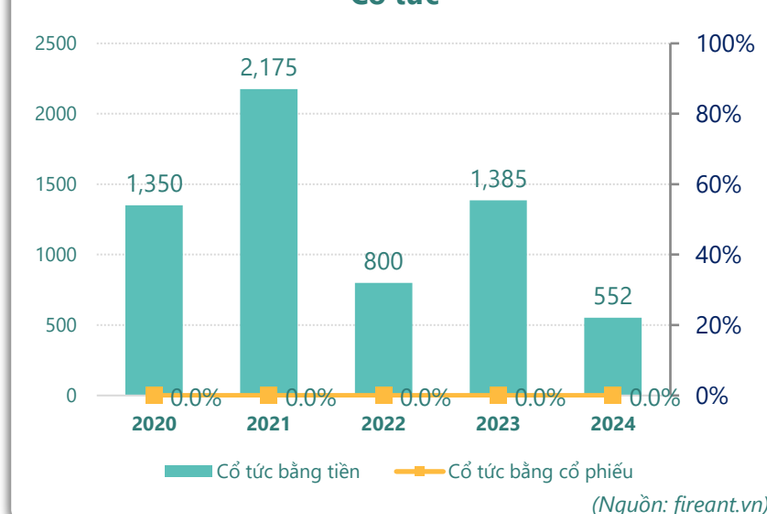
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

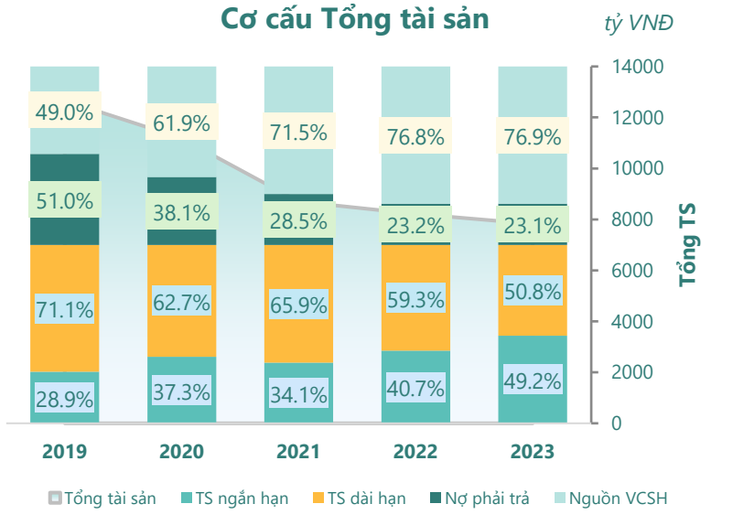
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

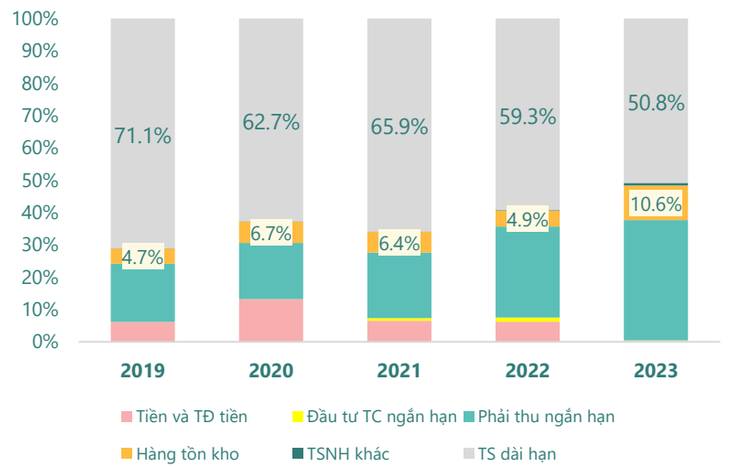
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



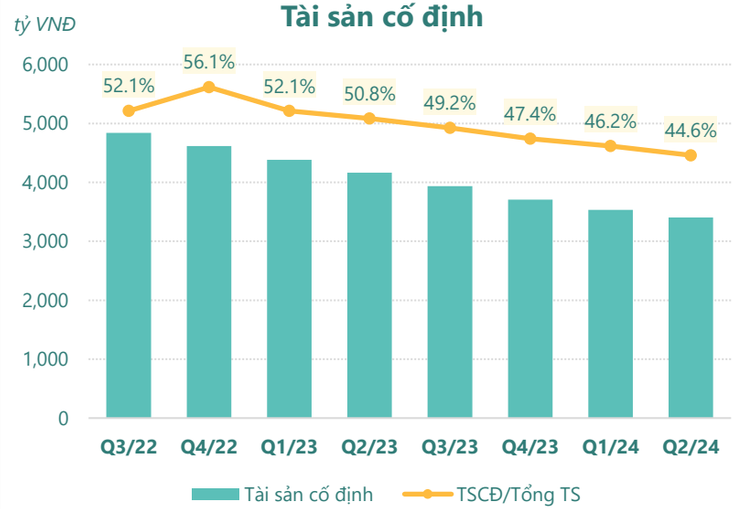
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



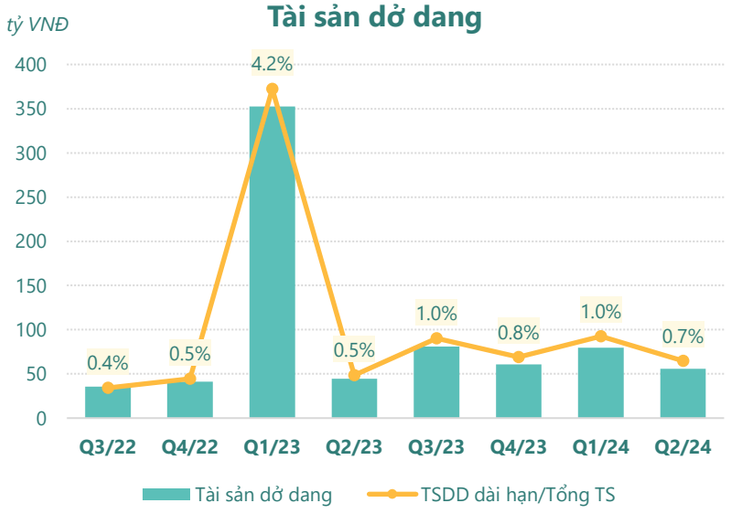
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



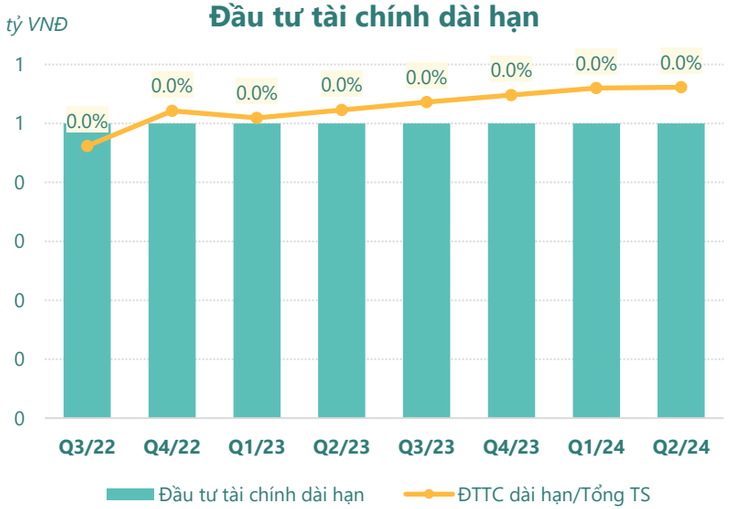
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



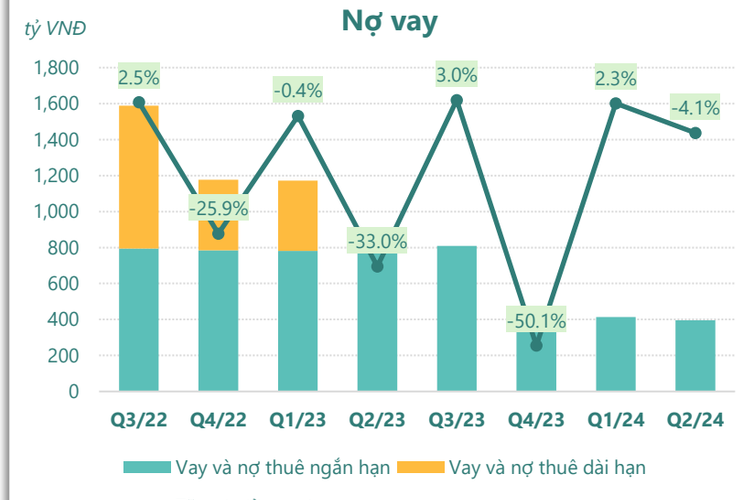
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

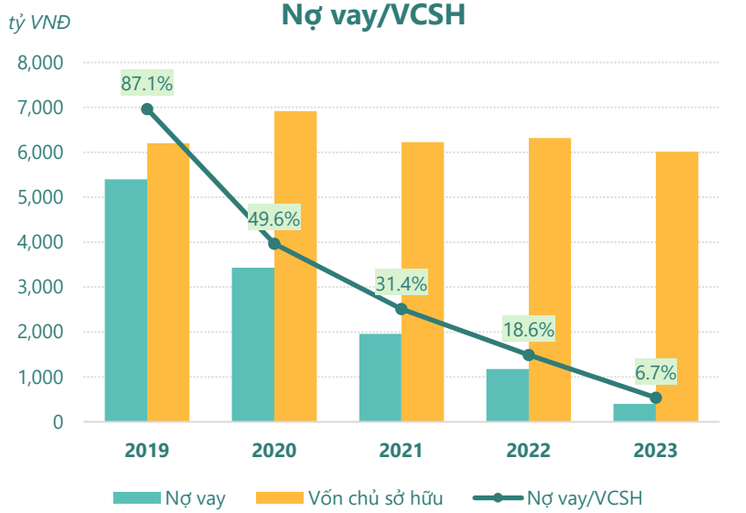
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

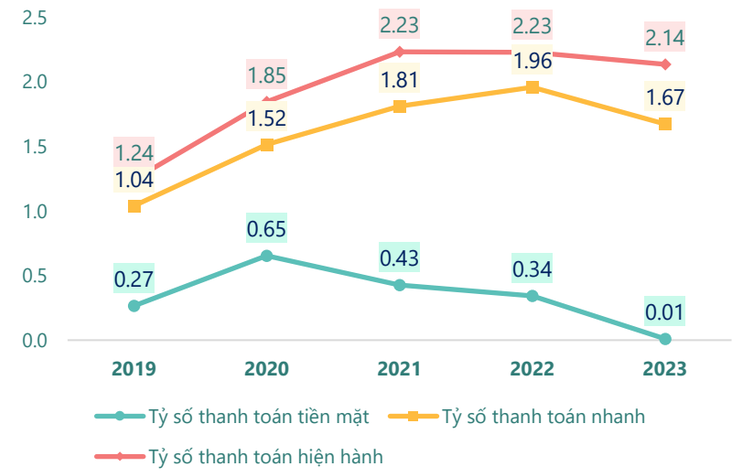
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



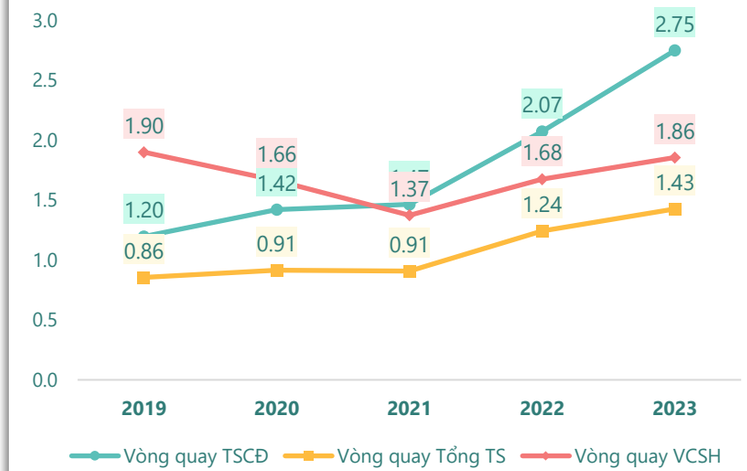
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



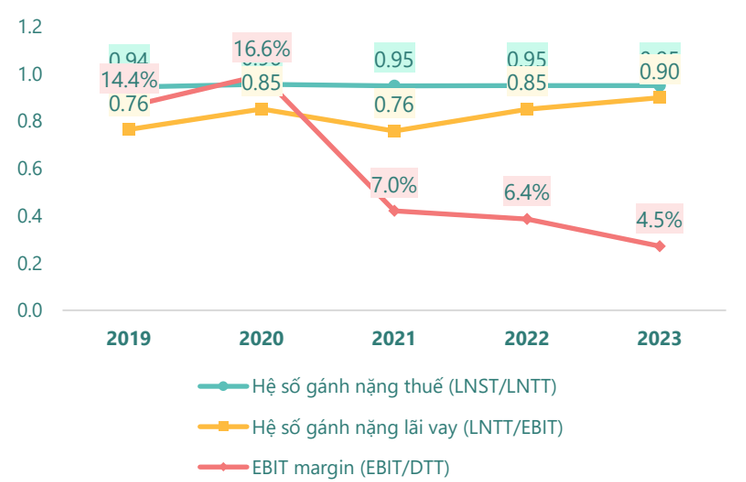
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



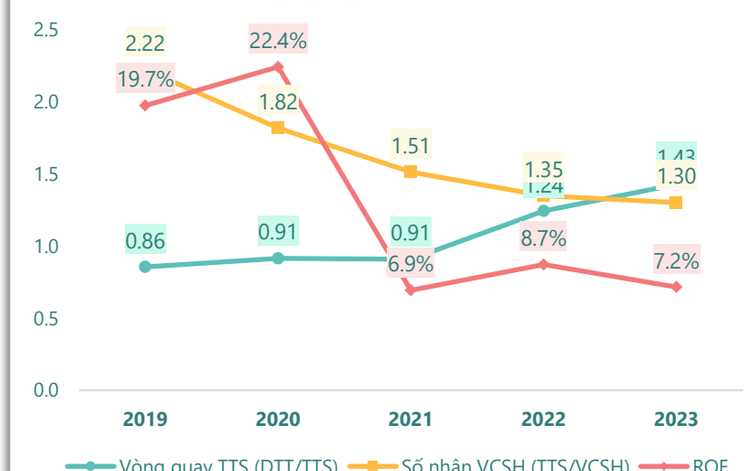
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



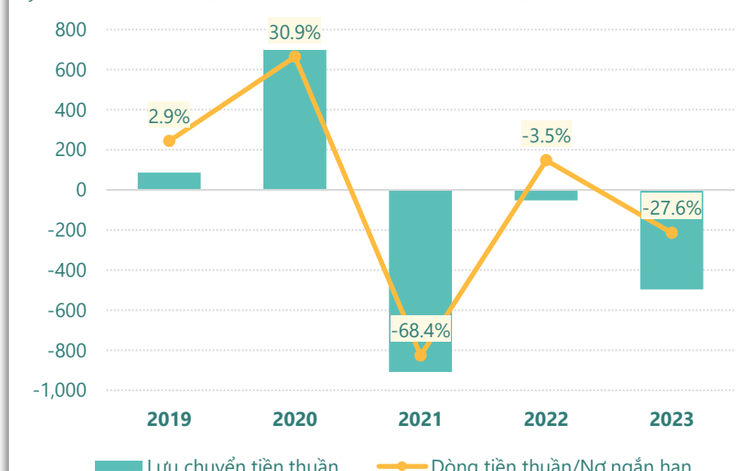
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,452**	**3,366**	**2.6%**	**6,241**	**5,938**	**5.1%**
Giá vốn hàng bán	3,130	2,978	5.1%	5,710	5,502	3.8%
Lợi nhuận gộp	322	388	-16.9%	531	436	21.8%
Doanh thu HĐTC	0.08	-1.39	105%	0.33	5.72	-94.3%
Chi phí TC	10.4	14.1	-26.0%	26.0	31.9	-18.5%
Chi phí lãi vay	2.67	13.5	-80.2%	9.12	31.2	-70.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.3**	**24.2**	**-11.9%**	**51.9**	**50.5**	**2.9%**
LN thuần từ HĐKD	291	349	-16.7%	453	359	26.2%
Lợi nhuận khác	**0.27**	**0.18**	**50.5%**	**0.52**	**0.33**	**58.4%**
LN trước thuế	291	349	-16.6%	454	359	26.3%
Lợi nhuận sau thuế	**276**	**331**	**-16.5%**	**431**	**341**	**26.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**276**	**331**	**-16.5%**	**431**	**341**	**26.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-499	837	-35.9	567	162	219
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.45	86.7	2.43	-25.5	-3.22	12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-392	-492	-546	-155	-236
Tiền đầu kỳ	516	18.3	549	23.5	18.5	22.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-497**	**531**	**-526**	**-5.04**	**4.35**	**-4.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.3	549	23.5	18.5	22.8	17.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,634**	**7,821**	**-2.4%**
Tài sản ngắn hạn	3,963	3,846	3.0%
Tiền và tương đương tiền	17.8	18.5	-3.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	20.0	-75.0%
Phải thu ngắn hạn	2,962	2,909	1.8%
Hàng tồn kho	890	831	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	87.9	67.5	30.2%
Tài sản dài hạn	**3,671**	**3,975**	**-7.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,404	3,708	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.6	60.8	-8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**211**	**206**	**2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,514	1,808	-16.3%
Nợ ngắn hạn	**1,506**	**1,800**	**-16.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	396	404	-2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	902	1,052	-14.3%
Nợ dài hạn	7.86	7.99	-1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,120**	**6,013**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**6,120**	**6,013**	**1.8%**
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)